

Số: 19/2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính
trong lĩnh vực đất đai ở nội thành thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Xét Tờ trình số 267/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ở nội thành thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 85/BC-PC ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (viết tắt là Nghị định số 91/2019/NĐ-CP) ở nội thành thành phố Hà Nội.

Điều 2. Mức tiền phạt

1. Mức tiền phạt quy định đối với các hành vi vi phạm hành chính trong Nghị quyết bằng 02 (hai) lần mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong Nghị định số 91/2019/NĐ-CP; mức tiền phạt tối đa không quá 500.000.000 đồng đối với cá nhân, không quá 1.000.000.000 đồng

đối với tổ chức.

2. Hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với các hành vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 1, xảy ra trên địa bàn nội thành thành phố Hà Nội, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Các hành vi vi phạm hành chính áp dụng mức tiền phạt cao hơn tại các quận nội thành

Áp dụng mức tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đối với 60 hành vi vi phạm hành chính quy định tại: khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 9; khoản 1, khoản 3 Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 14; khoản 1 Điều 15; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 18; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 19; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20; khoản 1, khoản 2 Điều 21; khoản 1, khoản 2 Điều 22; khoản 1, khoản 2 Điều 23; khoản 1, khoản 2 Điều 24; khoản 2, khoản 4 Điều 26; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27; khoản 1, khoản 2 Điều 28; khoản 1 Điều 29; khoản 1, khoản 2 Điều 30; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 31; khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 33; khoản 1, khoản 2 Điều 34; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 35; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 37 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Trừ 07 hành vi vi phạm được quy định tại: điểm h khoản 3 Điều 9; điểm g khoản 2 Điều 11; điểm đ khoản 3, Điều 12; điểm đ khoản 4 Điều 14; điểm d khoản 2 Điều 21; điểm đ khoản 1 Điều 22 và điểm c khoản 4 Điều 31 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng về thẩm quyền xử phạt

1. Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

2. Mức phạt tiền áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị quyết này là mức tiền phạt áp dụng đối với cá nhân, trừ các trường hợp quy định tại: khoản 4 Điều 19; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 20; khoản 1, khoản 2 Điều 21; khoản 1, khoản 2 Điều 22; khoản 4 Điều 26; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 1, khoản 2 Điều

28; khoản 2 Điều 30; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 31; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 37 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP áp dụng đối với tổ chức. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân có cùng một hành vi vi phạm hành chính.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 4 của Nghị quyết xảy ra trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, đang được lập hồ sơ xử lý thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Giao UBND Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

b) Trong trường hợp có sự điều chỉnh của pháp luật làm thay đổi các quy định về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô trong từng giai đoạn dẫn đến các nội dung Nghị quyết không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức nghiên cứu, tổng hợp và trình Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố phối hợp tuyên truyền vận động tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UBTWQH;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp của QH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài nguyên & Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP TU, VP ĐBQH & HĐND TP; VP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT TP; Công báo Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn